

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CNV+JS2+CTK3	7:25	7+0+14+1	0+0+0+0		0+0+15+6	0+0+0+0	chuyen 1 pax CNV-ctk3
2		P5+P3+PPD	7:25	17+4+0	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
3		BK8+P4+JS2	9:25	6+0+16	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2018	TO: TD2 - CNV - JS2 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH THAI	TD2	11	1	20		76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HONG YEN	TD2	01	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN THUYET	TD2	08	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN XUAN TRUONG	TD2	04-05	2	7		79	XAYLAP	Vietnamese
5	LUU DUC THINH	TD2	02-03	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC QUANG	TD2	09-10	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN TRUNG QUYEN	TD2	06-07	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG THE TAI	JS2	76-77	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	DEMIN YURI	JS2	09	1	10		102	KHOAN	Russian
10	EDWIN PINTO	JS2	36-37	2	15		115	KHOAN	Indian
11	MATEI MIHAI FLORIN	JS2	80-81	2	20		90	KHOAN	Romania
12	LE KHAC BAO	JS2	10	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MAN	JS2	07	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH HUNG	JS2	08	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HONG	JS2	78-79	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LAM	JS2	04	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN TUAN NGHIA	JS2	03	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY THANH	JS2	82	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CANH	JS2	83	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DUC CONG	JS2	06	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH NGOC	JS2	05	1	5		49	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	26-27	2	7		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	11	105	486	0	0		CHUYEN 1 PAX TU CNV SANG CTK3
2	CNV	0	0	0	0	60	0 + 1		
3	JS2	14	18	127	1.037	0	15		DIEU PHAI: TRAN XUAN PHUC
4	CTK3	1	2	7	85	0	6		
TOTAL		22	31	239	1.608	60	21		
WEIGHT KG				239	1.608	60			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2018	TO: P5 - P3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MY TRUONG	P5	52	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	DO VAN DINH	P5	55	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HAI	P5	53	1	4		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN DUNG	P5	59-60	2	15	40	78	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN DUONG	P5	51	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM DUY DEN	P5	54	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VAN MANH	P5	56	1	6		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH THANG	P5	58	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
9	VU VAN LINH	P5	57	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
10	DOAN DINH DUNG	P5	66	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
11	VO HOANG LAM	P5	68-69	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN HIEN	P5	67	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LE DINH DAO	P5	61	1	8		47	PVC-PT	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG THAI	P5	62	1	7		69	PVC-PT	Vietnamese
15	LE BA NGOC	P5	64	1	7		60	PVC-PT	Vietnamese
16	NGUYEN HUU THU	P5	65	1	12		72	PVC-PT	Vietnamese
17	TRAN DINH BAC	P5	63	1	5		74	PVC-PT	Vietnamese
18	VU VAN THEM	P3	19	1	11		55	PVC-PT	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN THANH	P3	16	1	10		70	PVC-PT	Vietnamese
20	TRAN DINH SON	P3	17	1	8		62	PVC-PT	Vietnamese
21	VO QUANG HA	P3	18	1	15		67	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	17	19	174	1.137	40	8		
2	P3	4	4	44	254	0	6		
3	PPD	0	0	0	0	20	8		
TOTAL		21	23	218	1.391	60	22		
WEIGHT KG				218	1.391	60			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2018	TO: BK8 - P4 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Năm	ETA: 11:20
Xanh - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH THẠCH	BK8	71	1	9	40	76	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ KHÁC PHƯƠNG	BK8	72-73	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI XUÂN NGỌC	BK8	78-79	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
4	LUƠNG XUÂN QUANG	BK8	69-70	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BA THANH	BK8	74-75	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ ĐỨC TÙNG	BK8	68	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	90	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	89	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUC MANG	JS2	91	1	14		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LINH	JS2	97	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI LAM	JS2	98	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HAI	JS2	86	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DONG	JS2	94	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
14	DO NGOC TU	JS2	88	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN BON	JS2	87	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN HOAI NIEM	JS2	99	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MINH	JS2	92	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
18	HUA QUANG TAM	JS2	95	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN BA KHANH	JS2	96	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN VINH	JS2	01-02	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ LONG	JS2	84-85	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	JS2	93	1	5		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	10	87	395	40	0		
2	P4	0	0	0	0	0	5		
3	JS2	16	18	139	1.146	0	17		
TOTAL		22	28	226	1.541	40	22		
WEIGHT KG				226	1.541	40			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		RC4+RC6+RP3	7:25	6+5+11	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
3		RP2+CTK3+P7	7:25	17+4+1	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
4		RP3+CLO+TD1	7:25	9+3+10	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
5		CLO+PPD+P11	7:25	21+0+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
6		RP3+RP1+BK4	9:25	14+8+0	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
7		P8+P5+TD1	9:25	16+0+6	0+0+0		11+0+11	0+0+0	CHUYEN 4 PAX P8-P5
8		RP1+P3+BK16	9:25	21+0+1	0+0+0		14+0+4	0+0+0	CHUYEN 7 PAX P3-BK16
9		RP2+RP1	9:25	17+5	0+0		10+12	0+0	
10		GTCl+RC5+RCDM	11:25	3+12+7	0+0+0		1+14+7	0+0+0	
11		RC3+RC4+RP2	11:25	11+0+10	0+0+0		6+2+14	0+0+0	CHUYEN 1 PAX RC3-RP2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
RC4-ING, RP2-2NG. ĐI VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: RC4 - RC6 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 09:10
cam-1			

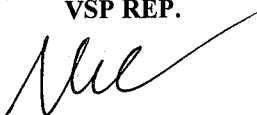
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKITIN	RC4	71	1	4		90	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN TRỌNG MINH	RC4	68	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TI	RC4					64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	72	1	6	50	78	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU QUYNH AN	RC4	69-70	2	12		102	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN TUƠNG	RC4	73	1	3		60	PSV	Vietnamese
7	TRẦN MINH THI	RC6	88	1	3		110	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN TUNG	RC6	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TRUNG	RC6	87	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN TRƯỜNG	RC6	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	KIEU MINH QUYẾT	RC6	85	1	3		60	PSV	Vietnamese
12	HOANG MINH TÂN	RP3	08-09	2	17		82	YTE	Vietnamese
13	IAKHIN RUSTEM	RP3	06-07	2	15		85	KH-THAC	Russian
14	PHẠM VĂN ANH	RP3	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN HOANG	RP3	02	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	10	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯỜNG THE DŨNG	RP3	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO QUANG HUNG	RP3	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN LY	RP3	13	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN SƠN	RP3	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VĂN CÔNG	RP3	12	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
22	LUU THE ANH	RP3	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	6	33	456	50	4		
2	RC6	5	5	21	370	50	5		
3	RP3	11	13	76	818	0	13		
TOTAL		22	24	130	1.644	100	22		
WEIGHT KG				130	1.644	100			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTiến - KIÊN	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV A.G	BK THIE	65	1	3	13	87	KH-THAC	Russian
2	PHAM GIAP TRI	BK THIE	71	1	3	23	81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VIET TUNG	BK THIE				42	71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TAM	BK THIE	79	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN THONG	BK THIE	67	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	HO DINH HUY	BK THIE	75	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VAN CUONG	BK THIE					73	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HONG QUANG	BK THIE	78	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	TANG MANH HA	BK THIE	69	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LE ANH TUAN	BK THIE	77	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HUNG TUAN	BK THIE					73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN SON	BK THIE	68	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUY DU	BK THIE	66	1	2		88	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUY TOAN	BK THIE	76	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TA MANH HUNG	BK THIE	70	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VU KIEN	BK THIE	64	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VU XUAN DIEU	BK THIE	80	1	11		70	DVL	Vietnamese
18	PHAM THE QUANG	BK THIE	72	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU MINH DUC	BK THIE					90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	15	81	1.365	78	19		
	TOTAL	19	15	81	1.365	78	19		
	WEIGHT KG			81	1.365	78			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

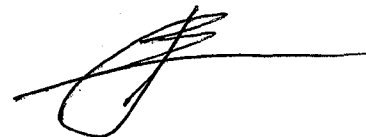
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: RP2 - CTK3 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - THU	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NARBUTOVSKIKH A.Y.	RP2				60	106	KH-THAC	Russian
2	DINH QUOC TRUONG	RP2	28	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
3	PHAM VAN BAN	RP2	36	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC VINH	RP2	23	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC SANG	RP2	34-35	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
6	ORLOV I.V.	RP2	30	1	10		87	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN NGO HOAN	RP2	20-21	2	18		69	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	26	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	GARIBEKOV M. K	RP2	22	1	7		97	KH-THAC	Russian
10	VU ANH TUNG	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH DUY	RP2	32-33	2	14		81	KH-THAC	Vietnamese
12	HO DUC LONG	RP2	24	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
13	BABKIN A.M	RP2	31	1	10		87	KH-THAC	Russian
14	DAO DINH HUY	RP2	27	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HONG QUANG	RP2	25	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG DINH YEN	RP2	29	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUOC VUONG	CTK3	28-30	3	17	12	75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN NINH	CTK3	33-35	3	19		72	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG NGOC THANH	CTK3	32	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
20	TRUONG DUC MANH	CTK3	31	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HONG DUONG	P7	33	1	4		55	D-SONG	Vietnamese
22	PHAN TIEN HIEP	P7	34	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	17	118	1.170	60	11		
2	CTK3	4	8	62	292	12	6		
3	P7	2	2	14	120	0	5		
TOTAL		22	27	194	1.582	72	22		
WEIGHT KG				194	1.582	72			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2018	TO: RP3 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - HUY -	ETA: 09:20
HONG-1		MQUẢN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	50-51	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TU THĂNG	RP3	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG VĂN LUƠNG	RP3	49	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG XUAN HUNG	RP3	48	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HỌ	RP3	47	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	44	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HUY	RP3	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN HUNG	CLO	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	KOPULOV	CLO	26	1	12		86	KHOAN	Russian
11	ZHURBIN V.B	CLO	23	1	8	20	93	KHOAN	Russian
12	KOROTKOV V.A	TD1	64	1	6		107	KHOAN	Russian
13	BUI VAN NINH	TD1	72-73	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DANG KHOA	TD1	67	1	4	40	66	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DAI DUONG	TD1	66	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VĂN MINH	TD1	68	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG XUÂN THĂNG	TD1	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THIỆU	TD1	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	69	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	8	37	554	0	3		
2	CLO	3	3	25	249	20	7		
3	TD1	10	10	53	761	40	12		
TOTAL		21	21	115	1.564	60	22		
WEIGHT KG				115	1.564	60			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: CLO - PPD - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

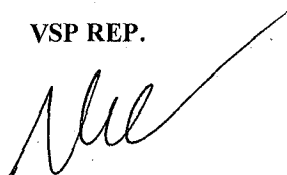
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
2	LA VIỆT HÙNG	CLO	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TUÔNG LONG	CLO	09	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	10	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MINH TU	CLO	07	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	01	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	05	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐỒNG	CLO	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN BUI QUANG	CLO	08	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	06	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH LỢ	CLO	11	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	02	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN THOA	CLO	16	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY BAI	CLO	04	1	5		80	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHOA	CLO	17-18	2	15		84	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN HOÀN	CLO	19	1	7		55	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ TIẾN PHỤNG	CLO	20-21	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ MINH SỸ	CLO	12-13	2	5		70	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN DŨNG	CLO	15	1	5		52	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HAM HA	CLO	28	1	10		63	DVL	Vietnamese
21	ĐO TRỌNG HIẾN	CLO	22	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	23	138	1.464	0	7		
2	PPD	0	0	0	0	0	9		
3	P11	0	0	0	0	60	6		
TOTAL		21	23	138	1.464	60	22		
WEIGHT KG				138	1.464	60			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

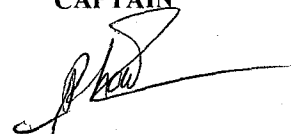
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: RP3 - RP1 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	52	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	54	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN HIEN	RP3	57	1	4	42	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TỬ HAI	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	LẠI ĐỨC BAY	RP3	61-62	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	55	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HOA	RP3	56	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	53	1	7	15	78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3	63	1	3		80	KHI	Vietnamese
11	BUI TÂN HÙNG	RP3	68	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KIẾN	RP3	64-65	2	10		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH THAI	RP3	69	1	12		92	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	66-67	2	12		75	KHI	Vietnamese
15	MAMEDOV	RP1	43	1	7		80	KH-THAC	Russian
16	PHẦN VĂN NGO	RP1	40-41	2	10		55	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUẤN	RP1	38-39	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
18	KAZAKOV	RP1	44	1	10		82	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN TRỌNG KHANG	RP1	42	1	9	15	63	KH-THAC	Vietnamese
20	ZELENSKY	RP1	45-46	2	15		86	KH-THAC	Russian
21	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG TUNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

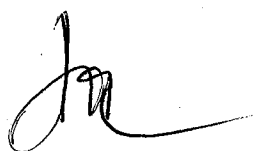
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	15	83	1.002	57	12		
2	RP1	8	9	66	581	15	6		
3	BK4	0	0	0	0	80	4		
TOTAL		22	24	149	1.583	152	22		
WEIGHT KG				149	1.583	152			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: P8 - P5 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - THỤ -	ETA: 11:25
CAM-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IVANOV MAXIM	P8	41-42	2	14		100	XAYLAP	Russian
2	NGUYEN VAN HUNG	P8	28	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO XUAN ĐANG	P8	43	1	11		90	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC TIÊM	P8	34	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VAN VUI	P8	33	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC CHUNG	P8	38-39	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ QUỐC HUƠNG	P8	31	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN HONG	P8	44-45	2	18		96	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG CHUNG	P8	36-37	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI TRỌNG HỘI	P8	46	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHÚC HIỂN	P8	29-30	2	14		81	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P8	35	1	20	21	74	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	P8	40	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI ĐỨC ANH	P8	32	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	HÀ VĂN NIÊM	P8	27	1	4		64	PSV	Vietnamese
16	ĐO XUAN CHINH	P8	26	1	9		67	PSV	Vietnamese
17	VU VAN SON	TD1	78	1	4		60	H-DONG	Vietnamese
18	BUI MANH PHUC	TD1	81	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	76	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN HUONG	TD1	79	1	5		58	H-DONG	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUNG	TD1	77	1	7		74	H-DONG	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TD1	80	1	8		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	16	21	194	1.172	21	11	4	CHUYEN 4 PAX P8 SANG P5
2	P5	0	0	0	0	55	0		
3	TD1	6	6	38	416	0	11		
TOTAL		22	27	232	1.588	76	22		
WEIGHT KG				232	1.588	76			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

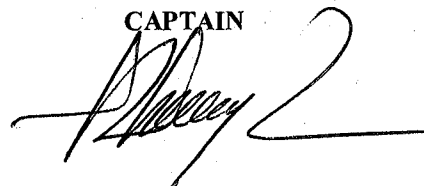
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: RP1 - P3 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - HUY	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	50	1	5	40	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TAM	RP1	61	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	63	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC PHÒNG	RP1	49	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NG. PHI KHAI HOÀN	RP1	51	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIẾU	RP1	57-58	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TAO QUANG NGÂN	RP1	62	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TUÔNG ANH CẠC	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC HỒNG	RP1	53	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	48	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	56	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRƯỜNG GIANG	RP1	60	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HUNG CƯỜNG	RP1	59	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THE ANH	RP1	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	52	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH CÔNG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN BA QUÝ	RP1	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG LỘC	RP1	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RP1	66	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	55	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THẾ VŨ	RP1	64	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN KHANH	BK16	01-02	2	17	40	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	21	20	109	1.520	40	14		CHUYEN 7 PAX P3 SANG BK16
2	P3	0	0	0	0	12	1 + 7		
3	BK16	1	2	17	65	40	4		
TOTAL		22	22	126	1.585	92	19		
WEIGHT KG				126	1.585	92			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2018	TO: RP2 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2	09	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	14	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	04	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	12	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THAO	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH TUÂN	RP2	08	1	4	35	60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	18	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ DUY QUYÊN	RP2	10-11	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	13	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	KHÔNG QUỐC TIẾN	RP2	21-22	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	20	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NG. VĂN BAO TRUNG	RP2	03	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HA DUY BÌNH	RP2	16-17	2	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN VĂN HỌC	RP2	15	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN HỮU SƠN	RP2	06-07	2	12	10	56	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐAO VĂN TUÂN	RP2	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TUÂN	RP1	71	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TAM	RP1	73	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HA VĂN CĂN	RP1	72	1	10	35	65	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUỐC VINH	RP1	74	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	PHAN TÁ ĐIỆP	RP1	75	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	20	130	1.092	60	10		
2	RP1	5	5	41	331	35	12		
TOTAL		22	25	171	1.423	95	22		
WEIGHT KG				171	1.423	95			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2018	TO: GTC1 - RC5 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

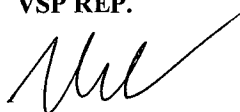
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TINH	GTC1	74	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
2	BUI VAN MINH	GTC1	75-76	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TUNG	GTC1	77	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
4	NG. DUY TUAN	RC5	46-47	2	13	30	68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SONG TOAN	RC5	48	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
6	KHALIMOV	RC5	77	1	5		90	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN NGOC TAN	RC5	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN NAM THANG	RC5	10	1	3		95	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LINH	RC5	45	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CUC	RC5	11	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	VU BA THUAN	RC5	49	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
12	ZHUCK	RC5	50	1	14		116	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN AN NINH	RC5	52	1	14	32	80	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI XUAN TRUONG	RC5	51	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN HUAN	RC5	79	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	30	1	5	15	62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO DAC TOAN	RCDM	27	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUOC VIET	RCDM	25	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG MINH DUNG	RCDM	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUY.	RCDM	31	1	15	68	75	DVL	Vietnamese
21	HO TRONG BANG	RCDM	29	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHAM XUAN HUNG	RCDM	26	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	3	4	30	205	0	1		
2	RC5	12	13	101	945	62	14		
3	RCDM	7	7	47	487	83	7		
TOTAL		22	24	178	1.637	145	22		
WEIGHT KG				178	1.637	145			

GRAND TOAL: 1.960 KGS

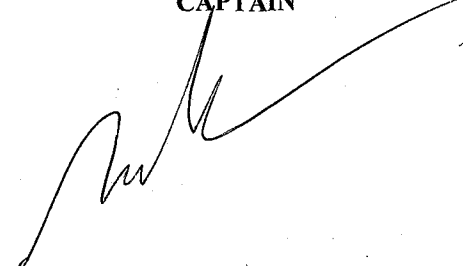
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2018	TO: RC3 - RC4 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: VThắng - LBình - THỤ	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM SƠN	RC3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG AN	RC3	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	39	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG LỢI	RC3	42	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RC3	41	1	12		91	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUẤN ANH	RC3	38	1	7	18	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NG. HỒNG MINH	RC3	45	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH TUẤN	RC3	44	1	14		65	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	RC3	34	1	12	42	70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC QUAN	RC3	35	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN GIANG	RC3				15	75	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ THIẾT	RP2	31	1	4		70	XAYLAP	Vietnamese
13	QUAN HỒNG QUANG	RP2	30	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN QUÂN	RP2	29	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC DUY	RP2	33	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VĂN TUẤN	RP2	34	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG ĐÌNH THUẬN	RP2	32	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
18	MERZLIKIN	RP2	36	1	5		80	NIPI	Russian
19	TRAN NGUYEN BAO MINH	RP2	35	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	28	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
21	DO VAN QUYET	RP2	27	1	3		85	PVE	Vietnamese
22	LUONG THE HIEN	RP2	37-38	2	11		62	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	10	90	832	75	6	1	CHUYEN 1 PAX RC3-RP2
2	RC4	0	0	0	0	16	2		
3	RP2	11	12	76	763	0	14		
TOTAL		22	22	166	1.595	91	22		
WEIGHT KG				166	1.595	91			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN